

Số: /BC-STP

An Giang, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định quy định quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2668/SCT-TTKC ngày 19/6/2026 của Sở Công Thương về việc thẩm định hồ sơ dự thảo Quyết định quy định quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang. Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định đối với nội dung tại dự thảo Quyết định như sau:

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công.

2. Đối tượng áp dụng: Theo khoản 2 Điều 1 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP.

II. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH TỪNG NỘI DUNG

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Quyết định với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo Quyết định

Trước hợp nhất tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang có ban hành Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh An Giang. Sau hợp nhất tỉnh, Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND được tiếp tục áp dụng trên đơn vị hành chính tỉnh An Giang mới cho đến khi được thay thế hoặc bãi bỏ (theo Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh). Theo đó, Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND hiện nay có một số nội dung không còn phù hợp với quy định hiện hành, cụ thể: (1) Quy định về nội dung và mức chi hoạt động khuyến công tại Chương II, hiện nay thẩm quyền ban hành thuộc về Hội đồng nhân dân tỉnh theo khoản 1 Điều 1 Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của

Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công (trước đó theo khoản 1 Điều 9 Thông tư số 28/2018/TT-BTC thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh); (2) Tại Điều 27 Quyết định vẫn còn quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, nội dung này không còn phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (đã bỏ cấp huyện). Ngoài ra, để thống nhất về phạm vi điều chỉnh, việc ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND là cần thiết.

Điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương*”.

Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định đề quy định “*a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*”.

Khoản 1, 4 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “*1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được ..., thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó 4. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thay thế văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Thay đổi cơ bản chính sách, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; b) Sửa đổi, bổ sung về nội dung quá một phần hai tổng số điều.*”.

Căn cứ các quy định nêu trên, việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang ***là đúng thẩm quyền***.

2. Về sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính; nguồn tài chính; nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Nội dung dự thảo Quyết định không quy định thủ tục hành chính theo Công văn số 10955/VP-HCC ngày 12/6/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Về nguồn tài chính: Sở Tài chính tham gia góp ý dự thảo Quyết định tại Công văn số 2554/STC-QLNS ngày 07/4/2026. Về nguồn tài chính chưa có ý kiến.

c) Về nguồn nhân lực và việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp: Sở Nội vụ có ý kiến thống nhất dự thảo Quyết định tại Công văn số 4097/SNV-VP ngày 09/4/2026.

d) Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến cơ bản thống nhất bố cục và nội dung dự thảo Quyết định tại Công văn số 2079/SKHCN-PTCN&ĐMST ngày 11/4/2026.

3. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo Quyết định

a) Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và nội dung dự thảo Quyết định

- Căn cứ ban hành: Bổ sung cụm từ “về khuyến công” sau “ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ” tại căn cứ 5. Bỏ căn cứ số 7.

- Điều 1: Dự thảo Quyết định quy định chi tiết điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư số 46/2012/TT-BCT, căn cứ khoản 2 Điều 65 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ “2. *Trường hợp văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn có điều, khoản giao quy định chi tiết thì phải nêu cụ thể điều, khoản đó tại điều, khoản quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản*”, khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP đề nghị bố cục Điều 1 theo gợi ý như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định **quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư số 46/2012/TT-BCT quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công.**

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng theo **khoản 2 Điều 1 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP.**”.

- Điều 2

+ Điều chỉnh viện dẫn văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP cho điểm a, e, f, g như sau:

“a) **Đề án khuyến công địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP.**

e) **Sản xuất sạch hơn trong công nghiệp theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP.**

f) **Sản xuất và tiêu dùng bền vững theo quy định tại khoản 5a Điều 2 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP.**

*g) Chuyển đổi số trong hoạt động khuyến công theo quy định tại **khoản 5b Điều 2 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP**.*

+ Điểm c: Bỏ dấu phẩy trước từ “thì”.

+ Điều chỉnh thứ tự điểm e, f thành điểm đ, e.

- Điều 3

+ Khoản 1: Không viết hoa từ “Hỗ” trong cụm từ “Hỗ trợ” sau dấu chấm phẩy.

+ Khoản 2: Đề nghị xác định thêm, nếu các đề án, nhiệm vụ khuyến công không thực hiện theo phương thức đấu thầu tại khoản 1 thì theo phương thức xét chọn. Như vậy, quy trình xét chọn đang đề cập sẽ được quy định tại dự thảo Quyết định hay tại quy định nào, nếu theo dự thảo Quyết định, đề nghị bổ sung sau cụm từ “theo phương thức xét chọn” cụm từ “**được quy định tại Quyết định này**”.

- Điều 4, 5, 6, 7: Những nội dung này chủ yếu là viện dẫn lại quy định; về nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến công, đã được quy định rõ tại Nghị quyết mức chi cho hoạt động khuyến công do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

- Điều 8: Bỏ cụm từ “của Chính phủ về khuyến công” tại khoản 2.

- Khoản 2 Điều 10: Bỏ cụm từ “của Chính phủ về khuyến công”.

- Điều 12:

+ Khoản 1: Cụm từ “công nghiệp nông thôn” nếu được quy ước viết tắt thì sử dụng cho thống nhất; rà soát cho toàn bộ dự thảo.

+ Khoản 2 có nội dung “... *phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đánh giá thực tế tại cơ sở công nghiệp nông thôn **khi cần thiết***”. Xác định như thế nào là “**cần thiết**” để thực hiện “đánh giá thực tế” các cơ sở công nghiệp nông thôn có đăng ký nhu cầu thực hiện đề án khuyến công để thực hiện bước tiếp theo tại khoản 3 là thành lập Tổ kiểm tra.

+ Khoản 3 có nội dung “*Tổ kiểm tra gồm **đại diện Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp***”. Theo đó, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Công Thương, vẫn có thể đại diện Sở Công Thương nếu được giao, do đó nội dung “đại diện Sở Công Thương” có phải cơ quan soạn thảo muốn đề cập “phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Công Thương” hay “đại diện lãnh đạo Sở Công Thương” nội dung này cần trình bày rõ.

+ Khoản 4 “... *Trung tâm ... tổng hợp, **hoàn thiện nội dung** các đề án đủ điều kiện để báo cáo Hội đồng thẩm định xem xét*”. Theo đó, việc hoàn thiện nội dung là nhiệm vụ của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp hay của cơ sở công nghiệp nông thôn có đăng ký thực hiện đề án khuyến công.

+ Khoản 7 quy định “*Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt đề án và mức kinh phí hỗ trợ khuyến công địa phương theo quy định sau khi*

kinh phí đã được cấp có thẩm quyền bố trí/giao dự toán theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước”. Qua rà soát quy định liên quan, tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP có quy định Ủy ban nhân dân tỉnh “*Quyết định hình thức hỗ trợ từ kinh phí khuyến công địa phương cho các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4 Nghị định này theo quy định*”, đề nghị Sở Công Thương rà soát, cung cấp cơ sở pháp lý quy định thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án và mức kinh phí hỗ trợ khuyến công địa phương. Đề nghị rà soát và điều chỉnh (nếu có) cho các nội dung còn lại tại dự thảo.

- Khoản 1 Điều 13: Cụm từ “đơn vị thực hiện” thành “đơn vị thực hiện **đề án**”; nội dung gửi “cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã được giao phụ trách lĩnh vực công thương” hay gửi “UBND cấp xã”, việc phân công cơ quan nào là trách nhiệm của UBND cấp xã. Bỏ cụm từ “Theo đó”.

- Điều 14

+ Khoản 1 “*Sau khi có kết quả phê duyệt danh mục, kinh phí khuyến công của Chủ tịch UBND tỉnh..*”. Tại khoản 7 Điều 12 “*Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt đề án và mức kinh phí hỗ trợ khuyến công*”, 02 nội dung trên chưa thống nhất.

+ Khoản 2 đề xuất điều chỉnh như sau “2. Căn cứ hợp đồng đã ký kết, khi hoàn thành khối lượng, số lượng công việc theo hợp đồng, đơn vị thực hiện **đề án báo cáo tiến độ thực hiện đề án....**”.

- Khoản 4 Điều 16: Bỏ cụm từ “ngày 21/5/2012 của Chính phủ” và rà soát lại “Điều 3 Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND” vì ngày 19/6/2026, Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND (viện dẫn văn bản quy phạm pháp luật phải đảm bảo theo quy định).

- Điều 17: Điều chỉnh “Luật Ngân sách nhà nước” thành “Luật Ngân sách nhà nước **số 89/2025/QH15**”.

- Khoản 2 Điều 21: Đề nghị rà soát “báo cáo kết quả về cơ quan chuyên môn phụ trách lĩnh vực công thương thuộc UBND cấp xã” hay “báo cáo kết quả về UBND cấp xã”. Tương tự, rà soát cho khoản 3 Điều 22.

- Điều 24: Bỏ “ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang” tại khoản 1 và điều chỉnh “sở, ban ngành cấp tỉnh” thành “sở, ban, ngành tỉnh” tại khoản 3.

- Nội nhận: Điều chỉnh cơ quan báo, đài thành “Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh An Giang”.

- Đánh số trang của dự thảo Quyết định.

b) Thủ tục soạn thảo Quyết định

Cơ bản đảm bảo thủ tục như sau:

- Dự thảo Quyết định được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận cho xây dựng Quyết định tại Công văn số 4547/VP-KT ngày 23/3/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thủ tục thông thường).

- Lấy ý kiến cơ quan, đơn vị có liên quan, trong đó có lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ; đề nghị Trung tâm Công báo - Tin học (Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) đăng trên cổng thông tin điện tử tỉnh hồ sơ dự thảo Quyết định. Thời gian lấy ý kiến và đăng cổng thông tin điện tử tỉnh 10 ngày (đảm bảo thời gian tối thiểu theo quy định).

- Thực hiện gửi Sở Tư pháp để thẩm định dự thảo Quyết định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành.

4. Dự thảo Tờ trình

Tại Mục III, bổ sung nội dung đăng cổng thông tin điện tử tỉnh (vì dự thảo được chấp thuận cho xây dựng Quyết định theo thủ tục thông thường, cần trình bày rõ việc có đăng cổng thông tin điện tử tỉnh lấy ý kiến rộng rãi theo quy định pháp luật); bổ sung quá trình gửi Sở Tư pháp thẩm định; tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; hoàn thiện hồ sơ trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Các quá trình cần minh chứng bằng văn bản cụ thể. Mục IV, điều chỉnh cho thống nhất với dự thảo Quyết định có điều chỉnh sau góp ý. Mục V, chưa trình bày thời gian trình ban hành. Đoạn gửi kèm theo Tờ trình: Đề nghị bố cục sau đoạn cuối dự thảo Tờ trình hiện nay để đảm bảo theo Mẫu; bổ sung thành phần hồ sơ “Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Quyết định”.

III. KẾT LUẬN

Hồ sơ dự thảo quyết định đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến được nêu tại Báo cáo thẩm định này.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Công Thương;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDTHPL, dthang.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Tuấn Ngọc